TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2018
"V/v: không công nhận quan hệ vợ chồng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân; Ông Trần Thành Đô
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang– Thư ký TAND huyện Lạng Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: bà Đặng Minh Hà – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐN, xã TH, huyện LGi, BG
2- Bị đơn: Lê Thị Minh H, sinh năm 1971; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐN, xã TH, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh và chị Lê Thị Minh H đã tổ chức lễ cưới vào ngày 20/11/1988, nhưng khi đó do chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên vợ chồng không đi đăng ký kết hôn. Sau này khi chị H đủ tuổi thì vợ chồng anh vẫn không đến UBND xã để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay trong quá trình chung sống, anh và chị H mâu thuẫn gay gắt không thể hòa giải, anh yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Lê Thị Minh H.

Về con chung: anh và chị H có hai con chung, là Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 hiện đều khỏe mạnh, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Chị Lê Thị Minh H trình bày: Chị xác nhận chị và anh Nguyễn Văn Th chung sống từ năm 1988 cho đến nay song không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong những năm đầu, song những năm gần đây xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Nay chị xác định không thể chung sống tiếp

với anh Th, do đó đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có hai con như anh Th đã trình bày, hiện hai con đều khỏe mạnh, đều trên 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Th, chị H có mặt vẫn giữa nguyên ý kiến quan điểm yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của anh Th, chị Ha, đề nghị Tòa án căn cứ điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình ; khoản 1 điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Thị Minh H. Về con chung, tài sản chung không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2].Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Thị Minh H đều thừa nhận có tổ chức lễ cưới từ năm 1988, song từ đó đến nay không đi đăng ký kết hôn theo quy định tại các 5,6,8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điều 9,11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân của anh Th, chị H không có giá trị pháp lý. Nay anh Th và chị H đều xác định vợ chồng mâu thuẫn, không thể chung sống, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân vợ chồng, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu của anh Th, ý kiến của chị H, căn cứ quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th, xử không công nhận quan hệ hôn nhân vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Thị Minh H.

Về con chung: anh Th, chị H có hai con chung là Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1994. Các con của anh, chị đều trên 18 tuổi, đều khỏe mạnh nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh Th, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 9,11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Thị Minh H là vợ chồng.

Án phí: anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006545 ngày 11/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
-*VKSND huyện Lạng Gi ang*;
-*THADS huyện Lạng Giang;*
-*Các đương sự;*
-*UBND xã TH.*
-*Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng